

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HỢP TÁC CÔNG CÔNG TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Ở VIỆT NAM

Nguyễn Thị Minh Nga¹, Nguyễn Thị Minh Hạnh, Nguyễn Thị Thùy Linh
Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ

Nguyễn Thị Thu Hương

Khoa Quốc tế và Đào tạo sau đại học
Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo

Đặng Thị Thu Trang

Ban Quản lý Khoa học và Đào tạo
Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo

Trần Thị Minh Huyền

Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng quản lý KH&CN
Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo

Tóm tắt:

Quan hệ hợp tác công công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ (KH&CN) là một chủ đề quan trọng trong quá trình hoạch định chính sách KH&CN công. Vấn đề hợp tác công công trong lĩnh vực KH&CN đã được chứng minh tầm quan trọng từ lý thuyết, kinh nghiệm một số nước cũng như thực tiễn hoạt động hợp tác công công của Việt Nam. Bài viết xin trình bày thực trạng một số chính sách hỗ trợ hợp tác công công trong lĩnh vực KH&CN của Việt Nam và khuyến nghị một số chính sách cần thay đổi, bổ sung và hoàn thiện trong thời gian tới nhằm hỗ trợ cho hợp tác công công trong lĩnh vực KH&CN của Việt Nam.

Từ khóa: Khoa học và công nghệ; Chính sách; Hợp tác công công.

Mã số: 24061001

UPPORT POLICY FOR PUBLIC-PRIVATE COOPERATION IN SCIENCE AND TECHNOLOGY IN VIETNAM

Summary:

Public-private cooperation in science and technology (S&T) is crucial for Vietnam's S&T policy development. The significance of such collaboration is supported by theoretical frameworks, international experiences, and Vietnam's practical activities. This article discusses the current state of policies supporting public-private cooperation in S&T in Vietnam and recommends necessary changes and improvements to enhance this collaboration in the future.

Keywords: Science and technology; Policy; Public-private cooperation.

1. Chính sách phát triển nhân lực khoa học và công nghệ

1.1. Quan điểm phát triển nhân lực, thu hút nhân lực KH&CN của Đảng

¹ Liên hệ tác giả: ntmnga1975@gmail.com

(a) Quan điểm phát triển nhân lực KH&CN

Bước sang thời kỳ đổi mới nền kinh tế, tại Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII đã ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 18/6/1997 về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh. Các nhiệm vụ đối với nhân lực KH&CN đã được nêu như: “*Chú trọng phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp từ Trung ương đến cơ sở; cán bộ khoa học đầu ngành;...*”.

Trong báo cáo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về xác định định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 nêu rõ phương hướng, nhiệm vụ của Đại hội XIII và những năm tiếp theo, trong đó đã ghi các quan điểm chỉ đạo cơ bản, các mục tiêu cụ thể trong nhiệm kỳ khóa XIII và những thập niên sắp tới. Đặc biệt, Văn kiện đã cụ thể hóa 12 định hướng chiến lược phát triển đất nước trong thời kỳ 2021 - 2030. Liên quan đến nhân lực chính là định hướng thứ hai của Báo cáo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc: “*Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, KH&CN, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài*” (Tập 1, trang 37).

Trong báo cáo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đưa vấn đề “*Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyên gia, ứng dụng và phát triển mạnh KH&CN*” thành vấn đề quan trọng thứ VI trong Chiến lược phát triển đất nước trong thời kỳ 2021 - 2030, một trong những chủ trương liên quan đến nhân lực được Báo cáo đề cập đó là: “*...tháo gỡ kịp thời những vướng mắc, thực hiện tốt các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng và đãi ngộ cán bộ KH&CN, nhất là chuyên gia đầu ngành, nhân tài trong lĩnh vực KH&CN...*”, “*...có chính sách hỗ trợ hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật quốc tế...*” (Tập 1, trang 142).

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu của Chiến lược phát triển đất nước trong giai đoạn 2021 - 2030, vấn đề *nhân lực chính là một vấn đề quan trọng* “*Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao,... cơ bản về chất lượng giáo dục và đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyên gia, ứng dụng và phát triển mạnh KH&CN, ĐMST...*” (Tập 1, trang 203 - 204).

Như vậy, từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII đến Đại hội lần thứ XIII của Đảng đều có các quan điểm chỉ đạo thống nhất đối với phát triển nhân lực KH&CN.

(b) Thu hút nhân lực KH&CN trong nước

Nhằm thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc từ các trường đại học vào làm việc trong các tổ chức của Nhà nước, Bộ Chính trị đã thông qua Kết luận số 86-KL/TW ngày 24/01/2014 về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ chỉ rõ: “*Chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ nhằm bồi dưỡng nhân tài, tạo nguồn cán bộ, chuyên gia giỏi trong các lĩnh vực phục vụ lâu dài cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ tổ*

quốc; cần có cơ chế đặc thù, đầu tư thỏa đáng tạo bước đột phá về chính sách và trong tổ chức thực hiện để đủ sức thu hút người hiền tài”.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ xác định nhiệm vụ đặt ra: “*Quy định khung cơ chế, chính sách ưu đãi để phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài có trọng tâm, trọng điểm, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững. Xây dựng Chiến lược quốc gia về thu hút và trọng dụng nhân tài theo hướng không phân biệt đảng viên hay người ngoài Đảng, người Việt Nam ở trong nước hay ở nước ngoài. Đồng thời, xác định một trong năm khâu đột phá là có cơ chế, chính sách để tạo cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh và thu hút, trọng dụng nhân tài”.*

Nhằm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, Bộ Chính trị đã thông qua Kế hoạch số 10-KH/TW ngày 06/6/2018 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, trong đó xác định nhiệm vụ: “*Thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách để động viên, khuyến khích cán bộ chuyên tâm phấn đấu công tác, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh và thu hút, trọng dụng nhân tài có trọng tâm, trọng điểm”*; giao Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo, phân công nghiên cứu xây dựng *Chiến lược quốc gia thu hút nhân tài* theo hướng không phân biệt đảng viên hay người ngoài Đảng, người Việt Nam ở trong nước hay ở nước ngoài; quy định khung cơ chế, chính sách ưu đãi để phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài có trọng tâm, trọng điểm, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững.

(c) Thu hút nhân lực KH&CN ở nước ngoài

Từ năm 2000 đến nay, hợp tác quốc tế về KH&CN liên tục được chú trọng trong các văn bản, chính sách của Đảng và nhà nước. Hợp tác quốc tế về KH&CN đã được cụ thể hóa trong các kỳ xây dựng Chiến lược phát triển KH&CN cũng như các chính sách về hợp tác quốc tế KH&CN của quốc gia.

Đảng đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến KH&CN, trong đó tại Hội nghị Trung ương 6 khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 về “*phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”* (gọi tắt là Nghị quyết số 20-NQ/TW). Nghị quyết số 20-NQ/TW đề ra quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ đối với hợp tác quốc tế về KH&CN, chỉ rõ cần *chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để cập nhật tri thức KH&CN tiên tiến của thế giới, thu hút nguồn lực và chuyên gia, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia các dự án KH&CN của Việt Nam. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh sau khi được đào tạo ở nước ngoài về nước làm việc; triển khai hợp tác KH&CN tầm quốc gia với các nước tiên tiến về KH&CN, là đối tác chiến lược của Việt Nam; có cơ chế, chính sách ưu đãi về đầu tư, đất đai, kết cấu hạ tầng, thủ tục hành chính... để tạo đột phá trong thu hút các nhà KH&CN Việt Nam ở nước ngoài, các nhà KH&CN nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN ở Việt Nam...”.*

Nghị quyết số 20-NQ/TW đã đề cập trực tiếp đến vấn đề hợp tác của nhân lực KH&CN khi tham gia các dự án KH&CN. Tuy nhiên, sau khi Nghị quyết số 20-NQ/TW ban hành, chưa có văn bản, chính sách nào quy định cụ thể vấn đề này.

Liên quan đến thu hút nhân lực KH&CN là người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình phát triển kinh tế và xã hội của đất nước thời kỳ mới, Bộ Chính trị đã thông qua Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 26/3/2004 về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới và đặt ra nhiệm vụ: *“Hoàn chỉnh và xây dựng mới hệ thống chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài, phát huy sự đóng góp của trí thức kiều bào vào công cuộc phát triển đất nước. Xây dựng chế độ đãi ngộ thỏa đáng đối với những chuyên gia, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài có trình độ chuyên môn cao, có khả năng tư vấn về quản lý, điều hành, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật cao cho đất nước, góp phần phát triển nền văn hóa, nghệ thuật của nước nhà”*.

Đứng trước các nhu cầu phát triển kinh tế và xã hội của đất nước, Kết luận số 12-KL/TW ngày 12/8/2021 của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới đã xác định: *“Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, khuyến khích và tạo điều kiện để đồng bào Việt Nam ở nước ngoài đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”*.

Như vậy, phát triển nhân lực KH&CN Việt Nam là một trong các quyết sách quan trọng của Đảng. Thông qua các Văn kiện, Nghị quyết và Kết luận của Đảng đối với phát triển nhân lực KH&CN, các bộ, ban ngành của Chính phủ đã nghiên cứu và cụ thể hóa các chủ trương của Đảng dưới hình thức các Luật, các văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện trong thực tiễn như các chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, khen thưởng và trọng dụng nhân lực KH&CN.

1.2. Chính sách phát triển nhân lực, thu hút, sử dụng, trọng dụng nhân lực khoa học và công nghệ

(a) Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước đã từng bước thể chế hóa, cụ thể hóa thành luật pháp, chính sách về thu hút, trọng dụng nhân tài. Trong các văn bản pháp luật của Nhà nước như Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức đều đề cập đến nhân tài với cách thể hiện gọi là “người có tài năng,... Thể hiện trong một số quy định đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ, trong hoạt động chuyên môn nghiệp vụ; Nhà nước có chính sách phát hiện, thu hút, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng đối với người có tài năng; Chính phủ quy định khung chính sách trọng dụng và đãi ngộ đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan trong việc quyết định chế độ trọng dụng và đãi ngộ đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; đặt ra nguyên tắc ưu tiên tuyển chọn người có tài năng trong tuyển dụng công chức, viên chức...”

Trong Luật Cán bộ, công chức năm 2008 đã quy định về chính sách đối với người có tài năng tại Điều 6: *“Nhà nước có chính sách để phát hiện, thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng đối với người có tài năng”*. Vấn đề này sẽ do Chính phủ quy định cụ thể chính sách đối với người có tài năng.

Trong Luật Viên chức năm 2010 cũng quy định về các nguyên tắc quản lý viên chức, phát triển các đơn vị công lập và đội ngũ viên chức (Điều 6 và Điều 10 của Luật). Trong đó, tại Điều 6 quy định: “... các chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với viên chức là người có tài năng, người dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, viên chức làm việc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước đối với viên chức”.

Tại Điều 10, khoản 4 của Luật Viên chức đã quy định cụ thể: “Nhà nước có chính sách xây dựng, phát triển đội ngũ viên chức có đạo đức nghề nghiệp, có trình độ và năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khu vực cung ứng dịch vụ công; phát hiện, thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng đối với người có tài năng để nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân”.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019 đã có một số quy định liên quan đến chính sách đối với người có tài năng. Cụ thể, tại Điều 6. Chính sách đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ đã nêu rõ:

1. Nhà nước có chính sách phát hiện, thu hút, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng đối với người có tài năng;
2. Chính phủ quy định khung chính sách trọng dụng và đãi ngộ đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ;
3. Căn cứ vào quy định của Chính phủ, người đứng đầu cơ quan quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 39 của Luật này quyết định chế độ trọng dụng và đãi ngộ đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định chính sách trọng dụng và đãi ngộ đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị do cấp tỉnh quản lý.

(b) Thu hút, sử dụng, trọng dụng nhân lực KH&CN trong nước

Thực hiện tinh thần của Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Nghị quyết số 50/NQ-CP đã xác định mười nhiệm vụ chủ yếu, trong đó có nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài,... nhằm đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và phù hợp với điều kiện Việt Nam. Cụ thể các nhiệm vụ như sau:

- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao, chú trọng phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, các nhóm nghiên cứu hiệu quả đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và phù hợp với điều kiện Việt Nam;
- Đẩy mạnh hội nhập và hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tích cực thu hút sự tham gia đóng góp của cộng đồng các nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài;

- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực quản trị công nghệ, nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp; nhân lực quản lý xã hội và tổ chức cuộc sống, chăm sóc con người. Tiếp tục đổi mới chế độ tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Xây dựng Chiến lược quốc gia thu hút, trọng dụng nhân tài.

Bên cạnh các Nghị quyết của Chính phủ, một số nghị định đã được ban hành trong các thời điểm khác nhau nhằm thu hút nhân lực KH&CN trong nước như sau:

- Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ;
- Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ; trong đó quy định nhiều cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng và ưu đãi đối với nhân tài KH&CN.
- Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; trong đó quy định về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ làm việc tại các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước và lực lượng vũ trang.
- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức có quy định về xét tuyển công chức đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng; chính sách áp dụng đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức có quy định về tiếp nhận vào làm viên chức đối với người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.

c) Thu hút, sử dụng, trọng dụng nhân lực KH&CN nước ngoài

Thời gian qua, Việt Nam đã quan tâm nhiều đến thu hút cán bộ KH&CN từ nước ngoài (kể cả người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài). Sự quan tâm của nhà nước thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau: các khuyến khích vật chất, khuyến khích tinh thần cũng như kêu gọi lòng yêu nước hướng về quê hương của bộ phận trí thức, nhà khoa học, nghiên cứu viên là người Việt Nam đang làm việc và nghiên cứu ở nước ngoài.

Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động KH&CN là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam được ban hành.

Sau sáu năm thực hiện Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 trong đó sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 87/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động KH&CN là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam.

(d) Chính sách khen thưởng

Đề động viên, khích lệ kịp thời cán bộ KH&CN phát huy khả năng sáng tạo, ứng dụng các thành tựu KH&CN vào sản xuất và đời sống. Đảng và nhà nước đã ban hành nhiều hình thức giải thưởng nhằm tôn vinh các cán bộ KH&CN có nhiều thành tích xuất sắc trong hoạt động KH&CN như giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Tạ Quang Bửu, VIFOTEC, chiến sĩ thi đua cấp Bộ, cấp cơ sở,... Việc trao các giải thưởng cho cán bộ KH&CN vừa là sự tôn vinh đối với những thành quả nỗ lực lao động sáng tạo của người được trao giải trước tập thể và xã hội mà còn có tác dụng cổ vũ, động viên những cán bộ khác cố gắng vươn lên giành giải thưởng, vừa là sự tuyên truyền tới các tầng lớp nhân dân về chính sách trọng dụng nhân tài của đất nước, tạo thành nếp sống, lối sống biết quý trọng người tài đức.

(e) Chính sách tạo điều kiện học tập và nghiên cứu ở nước ngoài

Một hướng quan trọng để bồi dưỡng nguồn nhân lực KH&CN, đào tạo các nhà quản lý, kinh doanh, các chuyên gia công nghệ giỏi và công nhân lành nghề nhằm đáp ứng các yêu cầu mới của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Chính phủ đã ban hành nhiều biện pháp chính sách tạo điều kiện cho cán bộ học tập và nghiên cứu ở nước ngoài. Ví dụ như Đề án 324, Đề án 165, Đề án 911,... là các Đề án của Nhà nước giành kinh phí khá lớn cho cán bộ Việt Nam có cơ hội đi học tập ở nước ngoài.

Ngoài ra, thông qua các Nghị định thư hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và chính phủ các nước, nhiều nhà khoa học và nghiên cứu viên Việt Nam có nhiều cơ hội được tiến hành nghiên cứu, tham gia nghiên cứu ở nước ngoài. Bên cạnh đó nhiều chương trình, đề tài, đề án của các bộ, ngành, địa phương cũng dành những khoản kinh phí nhất định tạo điều kiện cho các nhà khoa học, nghiên cứu viên học tập, thăm quan, tham dự hội nghị, hội thảo tổ chức ở nước ngoài.

2. Chính sách hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ

Với mục đích góp phần phát triển tiềm lực KH&CN Việt Nam, nhà nước đã chú ý đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng, trang thiết bị, phòng thí nghiệm,... cho nhiều tổ chức KH&CN. Nhiều bộ, ngành chủ quản đã có những dự án (kể cả dự án vay vốn nước ngoài) tập trung nâng cấp cơ sở hạ tầng, thiết bị cho các tổ chức KH&CN. Một số tổ chức KH&CN đã đầu tư mua sách, giáo trình, tạp chí, xây dựng phòng đọc, thư viện, phòng máy tính, nâng cấp khả năng truy cập và tìm kiếm tư liệu nghiên cứu quốc tế trực tuyến để nâng cao năng lực đào tạo và NCKH, đồng thời, kết nối với các tổ chức NC&PT, tổ chức KH&CN trên toàn thế giới.

(i) Phòng thí nghiệm

Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia (đến nay đã có 16 phòng thí nghiệm được

đầu tư xây dựng, trong đó có nhiều phòng thí nghiệm được đặt trực thuộc tại các trường đại học) theo Quyết định số 850/QĐ-TTg ngày 07/9/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm.

Nâng cao năng lực của các cơ sở nghiên cứu khoa học, trong đó ưu tiên đầu tư cho các cơ sở nghiên cứu khoa học mũi nhọn, phòng thí nghiệm trọng điểm trong các trường đại học (Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020).

Tăng cường cơ sở vật chất cho các trường đại học: hỗ trợ các trường về đất đai; tạo điều kiện cho các trường chủ động khai thác các nguồn lực đầu tư nhằm đổi mới cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị; tăng cường năng lực và nâng cao chất lượng hoạt động của thư viện ở các trường; hình thành hệ thống thư viện điện tử kết nối các trường trên cùng địa bàn, cùng một vùng và trên phạm vi toàn quốc; thiết lập mạng thông tin toàn cầu và mở rộng giao lưu quốc tế cho tất cả các trường đại học, cao đẳng trong nước; xây dựng một số phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia thuộc các trường đại học trọng điểm, trường đầu ngành (Quyết định 121/2007/QĐ-TTg ngày 27/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng giai đoạn 2006 - 2020; và Quyết định số 37/2013/QĐ-TTg ngày 26/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006 - 2020).

Tăng cường quản lý và phát triển hoạt động thông tin KH&CN (Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin KH&CN); Xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, phòng thí nghiệm chuyên ngành, liên ngành hiện đại và đồng bộ; Xây dựng hệ thống thư viện, tạp chí, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu về KH&CN; Mua tài sản trí tuệ, bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu KH&CN của nước ngoài; Mua công nghệ, hỗ trợ chuyển giao và nhập khẩu công nghệ từ nước ngoài theo quy định của pháp luật (Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ Quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KH&CN trong các cơ sở giáo dục đại học).

Từ năm 2023, Bộ Khoa học và Công nghệ đang xây dựng Dự thảo Đề án “*Phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia theo hướng tập trung, thống nhất, đồng bộ và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2030, định hướng đến 2035*”. Đề án được kỳ vọng sẽ mang lại nhiều thay đổi cho phát triển cơ sở hạ tầng KH&CN quốc gia.

(ii) đầu tư phát triển tiềm lực và NCKH trong các trường đại học

Khuyến khích, ưu đãi đầu tư phát triển tiềm lực và nghiên cứu khoa học trong các trường đại học ở Việt Nam thời gian qua được thể hiện qua các chính sách: Ưu tiên đầu tư xây dựng và phát triển các “trường đại học trọng điểm”² (Quyết định số 47/2001/QĐ-TTg ngày 04/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ).

² 21 trường (14+7) đại học được chọn để xây dựng thành trường đại học trọng điểm gồm: ĐHQG Hà Nội, ĐHQG TP. HCM, ĐH Thái Nguyên, ĐH Huế, ĐH Đà Nẵng, ĐH Sư phạm Hà Nội, ĐH Sư phạm TP. HCM, ĐH Bách khoa Hà Nội, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, ĐH Kinh tế Quốc dân Hà Nội, ĐH Y Hà Nội, ĐH Kinh tế TP. HCM, ĐH Y dược TP. HCM, ĐH Cần Thơ, ĐH Vinh, Học viện Kỹ thuật Quân sự, ĐH Hàng hải Việt Nam, ĐH Luật Hà Nội, ĐH Luật TP. HCM, Học viện Cảnh sát Nhân dân, Học viện Quân y.

Khuyến khích mở các trường đại học, thu hút các trường đại học có uy tín của nước ngoài liên kết hoặc mở phân viện, phân hiệu hoặc tổ chức các chương trình đào tạo nhân lực KH&CN tại Việt Nam (theo Quyết định số 272/2003/QĐ-TTg ngày 31/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ).

Tập trung đầu tư xây dựng các trường đẳng cấp quốc tế, các trường trọng điểm theo Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg ngày 27/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển tiềm lực và hoạt động KH&CN (Điều 11, Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ Quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học).

Tuy nhiên, các chính sách trên chưa thực sự phát huy tác dụng, còn thể hiện sự dàn trải cho nhiều trường (21 trường trọng điểm).

3. Cơ chế, chính sách hỗ trợ tài chính

3.1. Cơ chế, chính sách cấp phát kinh phí

Quỹ phát triển KH&CN quốc gia, bộ, ngành và địa phương được coi là nguồn cấp kinh phí phù hợp với hoạt động nghiên cứu khoa học. Hiện đã có một số quỹ KH&CN được vận hành tài trợ cho nghiên cứu khoa học như: Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia (thành lập theo Nghị định số 122/2003/NĐ-CP ngày 22/10/2003 của Chính phủ) với chức năng tài trợ, cho vay để thực hiện nhiệm vụ KH&CN do tổ chức và cá nhân đề xuất. Đối tượng được nhận tài trợ toàn phần, một phần hoặc cho vay không lấy lãi, lãi suất thấp, bao gồm các nghiên cứu cơ bản, các nhiệm vụ KH&CN đột xuất mới phát sinh có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, các nhiệm vụ KH&CN có triển vọng nhưng nhiều rủi ro. Quỹ phát triển KH&CN các bộ ngành, địa phương (Quyết định số 117/2005/QĐ-TTg ngày 27/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ mẫu tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

Năm 2014, Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư liên tịch số 121/2014/TTLT-BTC-BKH&CN ngày 25/8/2014 quy định rõ kinh phí hoạt động thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN công lập không phải theo biên chế mà theo nhiệm vụ, do các đơn vị xây dựng, được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt và thông qua các nhiệm vụ đề tài dự án, có kiểm tra, nghiệm thu đánh giá.

Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN đã ban hành được 10 năm, đã điều chỉnh về chính sách đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, những quy định hiện hành về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN đã bộc lộ một số nội dung chưa phù hợp, cụ thể như sau:

Phân bổ vốn đầu tư cho hoạt động KH&CN còn chông chéo, dàn trải, chưa tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên theo Chiến lược phát triển KH&CN đối với từng giai đoạn

được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Cơ chế quản lý tài chính đối với các tổ chức KH&CN, nhất là các tổ chức sự nghiệp công lập chưa phù hợp dẫn đến đơn vị gặp khó khăn, vướng mắc trong thực hiện quyền tự chủ về kế hoạch, tài chính, nhân lực và hợp tác quốc tế để phát huy tính năng động, sáng tạo, thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao trong nghiên cứu.

Về cơ chế quản lý tài chính cho nhiệm vụ KH&CN: Quy định về xây dựng dự toán và kinh phí quản lý nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước hiện nay dù đã đổi mới nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu, thực tiễn của hoạt động KH&CN.

Các quy định về việc khuyến khích trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp chưa đủ hấp dẫn doanh nghiệp, cho nên, số lượng doanh nghiệp trích lập Quỹ chưa nhiều và số dư của Quỹ chưa sử dụng đến tương đối lớn, điều này làm lãng phí nguồn lực tài chính của doanh nghiệp. Việc quản lý nhà nước về Quỹ áp dụng theo chế độ hậu kiểm, trong khi hướng dẫn nội dung chi còn thiếu cụ thể dễ dẫn đến rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp.

Vì vậy, để thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước, hoàn thiện hệ thống pháp luật KH&CN, tháo gỡ các tồn tại, hạn chế và đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong quá trình thực hiện cơ chế tài chính và đầu tư đối với hoạt động KH&CN, cần thiết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

3.2. Cơ chế, chính sách quản lý vốn từ ngân sách nhà nước

Đối với các tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước thì phải tuân thủ các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017, Nghị định số 151/2017/ NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước. Nghị định số 70/2018/NĐ-CP đã quy định một số vấn đề liên quan đến (i) thủ tục thực hiện giao quyền sở hữu, sử dụng tài sản là kết quả nhiệm vụ KH&CN ngân sách hỗ trợ (điều 26); (ii) tài sản là kết quả nhiệm vụ KH&CN được xác định giá trị để thực hiện giao quyền (Điều 27).

Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước; Thông tư số 10/2019/TT-BTC ngày 20/02/2019 hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước hỗ trợ.

Tuy nhiên, trong thực tế thực hiện Nghị định 70/2018/NĐ-CP, các tổ chức KH&CN gặp rất nhiều khó khăn trong việc định giá tài sản từ kết quả nghiên cứu KH&CN có sử dụng vốn nhà nước hỗ trợ - việc thực hiện *định giá tài sản theo phương pháp nào* đang là khoảng trống về văn bản pháp lý - đặc biệt trong lĩnh vực đặc thù của ngành

KH&CN; gặp khó khăn trong việc giao và nhận tài sản từ kết quả nghiên cứu KH&CN có sử dụng vốn nhà nước. Những khó khăn này chính là rào cản lớn nhất trong quá trình chuyển giao công nghệ từ các tổ chức KH&CN công lập ra thị trường.

Trên tinh thần đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, căn cứ vào Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành TW Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Chính phủ đã giao Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017, sửa đổi, bổ sung Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Trên tinh thần của sửa đổi, bổ sung Luật và Nghị định như vậy, Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước cũng đang trong quá trình sửa đổi và bổ sung. Hy vọng rằng những thay đổi về cơ chế và chính sách tài chính sẽ hỗ trợ tốt hơn cho các nhà khoa học và các tổ chức KH&CN công lập trong thời gian tới.

3.3. Cơ chế tự chủ tài chính

Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và sắp xếp lại các tổ chức KH&CN công lập cũng là một trong những yêu cầu cấp bách nhằm đổi mới tổ chức, cơ chế quản lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động KH&CN của các tổ chức KH&CN công lập theo tinh thần của Nghị Quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Các cơ chế, chính sách tự chủ thời gian qua được thực hiện thông qua các Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Trên tinh thần của Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024, Chính phủ cũng đã đưa ra nhiệm vụ sửa đổi Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

3.4. Cơ chế chính sách dành riêng cho nghiên cứu khoa học trong trường đại học

- Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP của Chính phủ nêu: bố trí tối thiểu 1% ngân sách nhà nước hàng năm để các cơ sở giáo dục đại học thực hiện các nhiệm vụ KH&CN được quy định trong Luật Khoa học và công nghệ;

- Nghị định số 99/2014/NĐ-CP quy định cho các trường đại học, hằng năm được dành tối thiểu 5% kinh phí từ nguồn thu hợp pháp của cơ sở giáo dục đại học để đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KH&CN ở cơ sở giáo dục đại học; Hằng năm, dành tối thiểu 3% kinh phí từ nguồn thu học phí của cơ sở giáo dục đại học để cho sinh viên và người học hoạt động nghiên cứu khoa học (Điều 12, Nghị định số 99/2014/NĐ-CP). Mặc dù đã được quy định về việc dành kinh phí cho các hoạt động KH&CN nhưng không có các văn bản hướng dẫn cụ thể nên việc thực hiện ở các trường đại học không được áp dụng;
- Hoạt động nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục đại học có thể được tài trợ từ việc tham gia các chương trình quốc gia như: chương trình phát triển vật lý đến năm 2020 theo Quyết định số 380/QĐ-TTg ngày 24/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình mục tiêu phát triển ngành công nghiệp CNTT đến năm 2020, tầm nhìn 2025 theo Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ,...;
- Đối với các cơ sở giáo dục đại học thuộc danh sách các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm còn có thể được tài trợ kinh phí nghiên cứu khoa học theo Quyết định số 47/2001/QĐ-TTg ngày 04/4/2001 từ nguồn kinh phí nhà nước đầu tư cho phát triển các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm.

Đối với các nhóm nghiên cứu và hợp tác nghiên cứu

Tài trợ từ Quỹ phát triển KH&CN quốc gia (NAFOSTED, được thành lập theo Nghị định số 122/2003/NĐ-CP ngày 22/10/2003 của Chính phủ), đi vào hoạt động từ năm 2008 với mục tiêu tài trợ thực hiện dự án nghiên cứu và tham gia hội thảo, hội nghị quốc tế, ví dụ các quy định về nhóm nghiên cứu mạnh được nêu chi tiết tại Thông tư số 37/2014/TT-BKH&CN ngày 12/12/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Tài trợ từ Đề án 2395 (Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước theo Quyết định số 2395/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ) với mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng khoảng 50 nhóm nghiên cứu (giai đoạn 2016 - 2020) và khoảng 80 nhóm nghiên cứu (giai đoạn 2021 - 2025) ở nước ngoài nhằm hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, có đủ năng lực giải quyết các nhiệm vụ KH&CN quan trọng của ngành, lĩnh vực.

4. Khuyến nghị một số chính sách phát triển, hỗ trợ hợp tác công công về khoa học và công nghệ giữa các tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam

Qua phần trình bày về thực trạng chính sách nêu trên, chúng ta có thể thấy một số vấn đề như sau: *Thứ nhất*, mặc dù có nhiều chính sách hỗ trợ và thúc đẩy phát triển nhân lực KH&CN nhưng các chính sách hiện hành chưa tập trung vào các vấn đề hợp tác công công giữa cá nhân nhà khoa học cũng như giữa các tổ chức KH&CN. *Thứ hai*, các quy định liên quan đến mua và sử dụng hàng hóa từ sử dụng ngân sách nhà nước cũng chưa có các cơ chế tạo điều kiện cho việc sử dụng chung các trang thiết bị phục vụ hoạt động nghiên cứu KH&CN giữa các tổ chức KH&CN công lập. *Cuối cùng* là các quy định về tài chính cho hoạt động KH&CN cũng chưa tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động hợp tác công công giữa các tổ chức KH&CN.

4.1. Khuyến nghị về chính sách phát triển nhân lực khoa học và công nghệ

Chính sách đối với cá nhân nhà khoa học

- Xây dựng và ban hành chính sách ưu tiên cho các nhà khoa học có các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học với sự tham gia của các tổ chức KH&CN công lập trong nước (trung ương và địa phương), có sự tham gia của các tổ chức KH&CN quốc tế khi xét duyệt các nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn và đấu thầu;
- Xây dựng và ban hành chính sách khen thưởng đối với các nhà khoa học có các công trình xuất bản trong nước và quốc tế là tác giả chính, hoặc đồng tác giả.

Chính sách đối với nhóm nghiên cứu

- Xây dựng và ban hành các cơ chế tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng đối với nhân lực KH&CN trong nhóm nghiên cứu có tỷ lệ hợp tác công công cao (chỉ tiêu tính cho cả hợp tác trong nước và hợp tác quốc tế);
- Xây dựng và ban hành chính sách khen thưởng đặc thù đối với nhân lực KH&CN trong nhóm nghiên cứu có tỷ lệ hợp tác công công cao.

4.2. Khuyến nghị về chính sách phát triển cơ sở hạ tầng

Căn cứ vào Luật Đầu tư, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, kiến nghị Chính phủ một số cơ chế tạo thuận lợi cho việc sử dụng chung các trang thiết bị nghiên cứu KH&CN trong các tổ chức KH&CN công như sau:

- Xây dựng và ban hành cơ chế sử dụng chung các thiết bị nghiên cứu khoa học trong các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia. Trong đó cần ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo hướng tạo điều kiện và linh hoạt trong việc sử dụng thiết bị cũng như thu và chi tài chính của các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia;
- Xây dựng và ban hành cơ chế sử dụng chung các thiết bị nghiên cứu khoa học trong các tổ chức KH&CN thuộc các bộ, ban, ngành, các tỉnh/thành phố;
- Xây dựng chính sách chung của quốc gia về việc điều phối sử dụng chung cơ sở hạ tầng cho các quan hệ hợp tác công công trong lĩnh vực KH&CN.

4.3. Khuyến nghị về chính sách tài chính

Trên cơ sở của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, các cơ chế và chính sách tài chính cho hoạt động KH&CN cũng cần sửa đổi, bổ sung theo tinh thần mới của các Luật về chính sách tài chính.

(a) Tự chủ tài chính

Thực hiện Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ về tự chủ trong các tổ chức công lập, trong đó có tổ chức KH&CN công lập. Bộ Khoa học và Công nghệ đang xây dựng và ban hành Dự thảo Kế hoạch hành động của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ. Việc xây dựng và ban hành Nghị định về xây dựng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập theo hướng phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN

cần được tiến hành sớm và có các căn cứ thực tiễn thuyết phục nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các quan hệ hợp tác KH&CN trong các tổ chức KH&CN công lập, bởi vì nếu có các quy định phù hợp sẽ tạo động lực cho các tổ chức KH&CN tăng nguồn thu và tăng tiềm lực KH&CN của tổ chức KH&CN công lập.

(b) Sử dụng tài sản từ kết quả nghiên cứu KH&CN sử dụng NSNN

Hoàn thiện sớm quá trình xây dựng và ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 về sử dụng tài sản từ kết quả nghiên cứu khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước.

Xác định giá của tài sản từ kết quả nghiên cứu là vấn đề hết sức quan trọng, trong thực tiễn, các nhà khoa học, các tổ chức KH&CN đang rất cần có văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể.

Việc đánh giá là tiền đề cho việc giao tài sản, nhận tài sản giữa các nhà khoa học, giữa các tổ chức KH&CN tham gia hợp tác cùng nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Nếu giải quyết được vấn đề xác định giá tài sản thì sẽ giải quyết được vấn đề sở hữu công nghệ, bí quyết từ kết quả nghiên cứu.

Việc xác định giá cũng là tiền đề thúc đẩy hoạt động chuyển giao kết quả nghiên cứu, thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Nếu không xác định được giá của kết quả nghiên cứu sẽ không có căn cứ để chuyển giao kết quả nghiên cứu KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước.

Vì vậy, việc cần thiết ngay bây giờ chính là nghiên cứu về xác định giá từ kết quả nghiên cứu có sử dụng ngân sách nhà nước nhằm hoàn thiện các phương pháp tính giá của các kết quả nghiên cứu KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu này phục vụ cho quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn việc xác định giá của các kết quả nghiên cứu KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước, tháo gỡ các khó khăn cho hoạt động KH&CN nói chung, thúc đẩy quan hệ hợp tác công công trong lĩnh vực KH&CN nói riêng.

(c) Mua bán, đấu thầu tài sản, thiết bị phục vụ nghiên cứu KH&CN

Trên tinh thần của Luật Đầu tư công, mua sắm công thì các quy định liên quan đến mua sắm công trong lĩnh vực KH&CN cũng cần được nghiên cứu, xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp. Do việc “*Quy định nhiều phương thức mua sắm công để áp dụng phù hợp, hiệu quả với từng nhóm hàng hóa, dịch vụ*” theo thực tiễn là điều tất yếu trong bối cảnh mà Đảng và Nhà nước có chủ trương và chỉ thị thắt chặt chi tiêu công gắn với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí đang được đặt ra vừa có tính cấp bách, vừa có tính lâu dài. Điều này có nghĩa là không thể sử dụng cùng một phương thức mua sắm công cho nhiều lĩnh vực, đặc biệt là ngành KH&CN, một ngành có nhiều đặc thù và có vai trò quan trọng trong phát triển KT-XH quốc gia.

Vấn đề đấu thầu mua sắm các trang thiết bị phục vụ nghiên cứu KH&CN là vấn đề bức xúc hiện nay của các tổ chức KH&CN công lập, vì vậy, việc nghiên cứu, xây dựng và ban hành quy định về đấu thầu mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động

KH&CN là một nhu cầu cần thiết và cũng là xu hướng chung của các nước phát triển cũng như các nước đang phát triển trên thế giới.

Trên đây là một số phân tích thực trạng về chính sách cũng như một số đề xuất ban đầu đối với chính sách hợp tác công công trong các tổ chức KH&CN của Việt Nam, hy vọng trong thời gian tới sẽ có các nghiên cứu chuyên sâu hơn nhằm xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật để tháo gỡ các khó khăn cho hoạt động KH&CN nói chung, thúc đẩy các quan hệ hợp tác công công trong lĩnh vực KH&CN nói riêng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kế hoạch số 10-KH/TW ngày 06/6/2018 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW.
2. Kết luận số 12-KL/TW ngày 12/8/2021 của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới.
3. Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Luật số: 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017.
4. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức. Luật số: 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019.
5. Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.
6. Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động KH&CN là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam
7. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.
8. Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước.
9. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp.
10. Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.
11. Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.
12. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam, tập I. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội 2021.